

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1/2013	Lũy kế từ đầu năm (01/01->31/03/2013)	Quý 1/2012	Lũy kế năm trước (01/01->31/03/2012)
1. Tổng doanh thu	01	499.610.103.802	499.610.103.802	638.440.802.673	638.440.802.673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(375.075.265)	(375.075.265)	(1.041.834.480)	(1.041.834.480)
3. Doanh thu thuần	10	499.235.028.537	499.235.028.537	637.398.968.193	637.398.968.193
4. Giá vốn hàng bán	11	(429.918.065.166)	(429.918.065.167)	(497.225.404.742)	(497.225.404.742)
5. Lợi nhuận gộp	20	69.316.963.371	69.316.963.370	140.173.563.451	140.173.563.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36.572.711.474	36.572.711.474	20.524.974.330	20.524.974.330
7. Chi phí tài chính	22	(19.617.758.820)	(19.617.758.820)	(25.210.160.832)	(25.210.160.832)
- Trong đó: lãi vay	23	(19.129.051.427)	(19.129.051.427)	(24.929.683.720)	(24.929.683.720)
8. Chi phí bán hàng	24	(9.213.984.505)	(9.213.984.505)	(10.162.849.987)	(10.162.849.987)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(17.241.589.393)	(17.241.589.393)	(13.024.943.714)	(13.024.943.714)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	59.816.342.127	59.816.342.126	112.300.583.248	112.300.583.248
11. Thu nhập khác	31	961.433.879	961.433.879	238.580.173	238.580.173
12. Chi phí khác	32	(3.450.262)	(3.450.262)	(3.460.191)	(3.460.191)
13. Lợi nhuận khác	40	957.983.617	957.983.617	235.119.982	235.119.982
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	60.774.325.744	60.774.325.743	112.535.703.230	112.535.703.230
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(10.402.265.156)	(10.402.265.156)	(14.605.592.063)	(14.605.592.063)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	1.637.892.141	1.637.892.141	(2.678.987.512)	(2.678.987.512)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	52.009.952.729	52.009.952.728	95.251.123.655	95.251.123.655

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN



NGUYỄN BÁ CHỦ